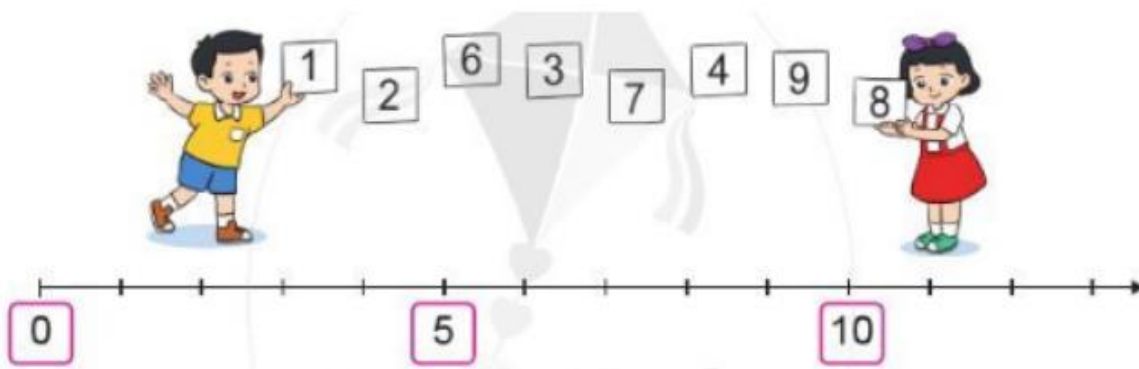


Mời các em học sinh và quý thầy cô tham khảo hướng dẫn giải bài tập Toán lớp 2: Tia số. Số liền trước, số liền sau trang 10, 11 - Cánh Diều được đội ngũ chuyên gia biên soạn đầy đủ và ngắn gọn dưới đây.

**Giải bài tập Toán 2 bài: Tia số. Số liền trước, số liền sau - Cánh diều.**

**Bài 1**

a) Xếp các thẻ số vào vị trí thích hợp dưới mỗi vạch của tia số:



b) Trả lời các câu hỏi:

- Số liền trước của số 5 là số nào?
- Số liền sau của số 9 là số nào?

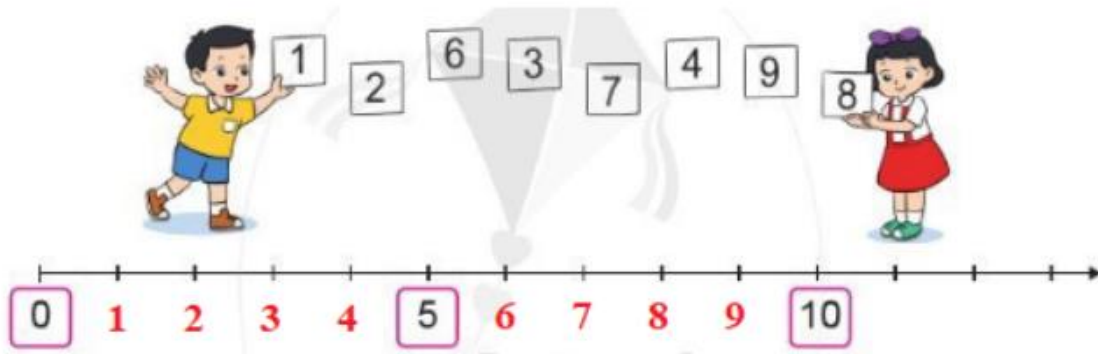
**Phương pháp giải:**

- Trên tia số, mỗi số (khác 0) lớn hơn các số ở bên trái nó và bé hơn các số ở bên phải nó.
- Các số trên tia số được sắp xếp theo thứ tự tăng dần.
- Số liền trước của một số kém số đó 1 đơn vị.

Số liền sau của một số hơn số đó 1 đơn vị.

**Lời giải chi tiết:**

a)

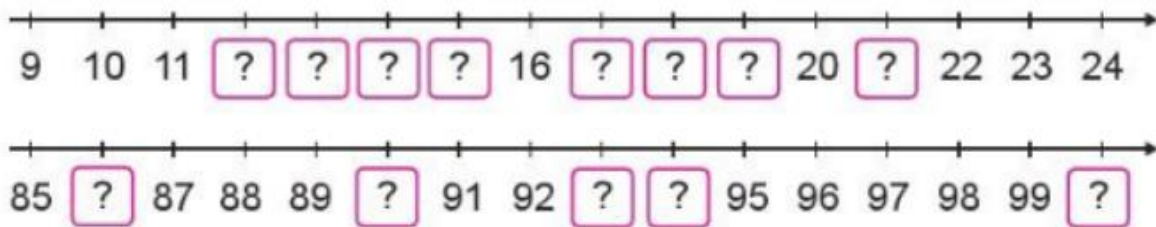


b) - Số liền trước của số 5 là số 4.

- Số liền sau của số 9 là số 10.

**Bài 2**

a) Tìm số thích hợp thay cho dấu ? trong ô trống.



b) Trả lời các câu hỏi:

- Số liền trước của số 16 là số nào?

- Số liền sau của số 85 là số nào?

**Phương pháp giải:**

- Trên tia số, mỗi số (khác 0) lớn hơn các số ở bên trái nó và bé hơn các số ở bên phải nó.

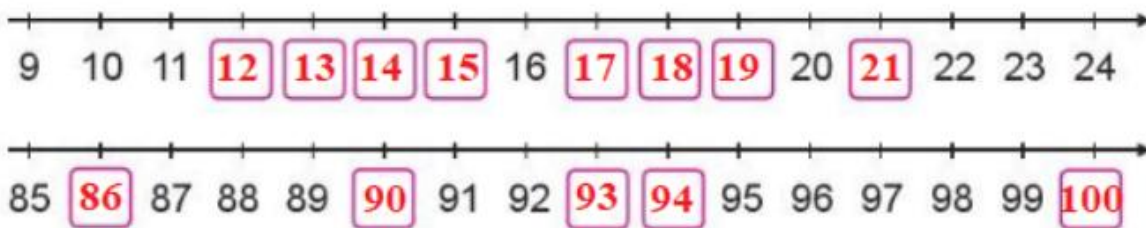
- Các số trên tia số được sắp xếp theo thứ tự tăng dần.

- Số liền trước của một số kém số đó 1 đơn vị.

Số liền sau của một số hơn số đó 1 đơn vị.

**Lời giải chi tiết:**

a)



b) - Số liền trước của số 16 là số **15**.

- Số liền sau của số 85 là số **86**.

**Bài 3**

Tìm số thích hợp thay cho dấu ? trong ô trống.

Số liền trước	Số đã cho	Số liền sau
5	6	7
29	30	?
?	68	69
?	99	?

**Phương pháp giải:**

- Số liền trước của một số kém số đó 1 đơn vị.
- Số liền sau của một số hơn số đó 1 đơn vị.

**Lời giải chi tiết:**

Số liền trước	Số đã cho	Số liền sau
5	6	7
29	30	<b>31</b>
<b>67</b>	68	69
<b>98</b>	99	<b>100</b>

**Bài 4**

Chọn dấu (>, <) thích hợp:

Trên tia số, số đứng trước bé hơn số đứng sau, số đứng sau lớn hơn số đứng trước.



Cánh Diều

88 89 90 91 92 93 94 95 96 97 98 99 100

88 ? 91      92 ? 90      98 ? 89      95 ? 100

**Phương pháp giải:**

Xác định vị trí của mỗi số trên tia số, sau đó áp dụng tính chất “trên tia số, số đứng trước bé hơn số đứng sau, số đứng sau lớn hơn số đứng trước” để so sánh các số đã cho.

**Lời giải chi tiết:**

+) Số 88 đứng trước số 91, do đó  $88 < 91$ .

+) Số 92 đứng sau số 90, do đó  $92 > 90$ .

+) Số 98 đứng sau số 89, do đó  $98 > 89$ .

+) Số 95 đứng trước số 100, do đó  $95 < 100$ .

Vậy ta có kết quả như sau:



**Bài 5**

Sắp xếp các số:



a) Theo thứ tự từ bé đến lớn.

b) Theo thứ tự từ lớn đến bé.

**Phương pháp giải:**

So sánh các số đã cho, sau đó sắp xếp các số theo thứ tự từ bé đến lớn hoặc từ lớn đến bé.

**Lời giải chi tiết:**

So sánh các số đã cho ta có:

$$23 < 30 < 47 < 69.$$

a) Các số đã cho được sắp xếp theo thứ tự từ bé đến lớn là:

23; 30; 47; 69

b) Các số đã cho được sắp xếp theo thứ tự từ lớn đến bé là:

69; 47; 30 ; 23.